TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DI LINH** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **40**/2020/HSST
Ngày: 30 - 7 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DI LINH, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Sỹ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Văn Toán – Phó Chủ tịch Liên đoàn lao động huyện Di Linh;
2. Bà Vương Thị Huyền – Phó Hiệu trưởng Trường THPT Di Linh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Vui - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông K' Dem- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 40/2020/TLST-HS ngày 03 tháng 7 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2020/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 7 năm 2020, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Ngọc T (Tên gọi khác: Tèo); sinh ngày 06/01/1995 tại Bình Phước; nơi cư trú: Tổ dân phố B, thị trấn D, huyện D, tỉnh L; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Đặng Kim L; tiền án: Không; tiền sự: Không; đã bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/01/2020 đến ngày 08/5/2020. Có mặt tại phiên tòa.

2. Lê Xuân Duy H (tên gọi khác: Tom); sinh năm 2001 tại tỉnh Lâm Đồng; nơi ĐKNKTT: đường H, Tổ M, thị trấn D, huyện D, tỉnh L; nơi ở: Tổ dân phố H, thị trấn D, huyện D, tỉnh L; Nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Xuân N và bà Võ Thị Thanh T; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/01/2020. Có mặt tại phiên tòa.

3. Lê Quang T; sinh năm 2001 tại tỉnh Lâm Đồng; nơi ĐKNKTT và cư trú:thôn A, xã Đ, huyện D, tỉnh L; Nghề nghiệp: Sửa xe máy; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Quang L và bà Nguyễn Thị Kim K; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/01/2020. Có mặt tại phiên tòa.

Người làm chứng: Trần Việt T; sinh năm 2003; địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện D, tỉnh L. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào chiều tối ngày 06/01/2020, Lê Xuân Duy H thuê phòng số 03 tại Nhà trọ 799 tại Tổ dân phố 14, thị trấn Di Linh, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng của ông Dương Quốc N. Sau đó gọi điện thoại rủ Lê Quang T và Trần Việt T đến cùng nhau sử dụng ma túy. Sau khi T và T đến phòng trọ, H mượn điện thoại di động có sim số 0783713935 của T gọi vào điện thoại có sim số 0337215653 của Nguyễn Ngọc T hỏi mua 300.000 đồng ma túy thì T nói sẽ liên hệ trả lời sau. Khoảng 25 phút sau Tú điện thoại lại nói đã có ma túy bán cho H. Sau đó Hoàng đưa cho Thành 500.000 đồng để mang đến gặp T mua 300.000 đồng ma túy, còn lại 200.000 đồng trả khoản nợ mà H vay của T trước đó. Sau khi gọi điện thoại cho T để hỏi địa điểm mua bán ma túy, T điều khiển xe mô tô của gia đình biển kiểm soát 49V9-8072 đến đưa cho Tú 500.000 đồng và nhận từ T một chiếc USB màu trắng đã bị hỏng bên trong có 02 gói nylon đựng ma túy, T mang chiếc USB về lại phòng trọ đưa cho H, H lấy ra một ít ma túy mà T vừa mới mua được để Hoàng cùng với T và T sử dụng, số ma túy còn lại H cất giấu trong người. Đến 22 giờ 45 phút ngày 06/01/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Di Linh tiến hành kiểm tra, phát hiện phía trong quần lót H đang mặc trên người có hai nylon đựng chất nghi là ma túy nên tiến hành lập biên bản thu giữ vật chứng và tạm giữ H, T để điều tra. Căn cứ lời khai của các đối tượng, ngày 07/01/2020 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện D khám xét nơi ở của Nguyễn Ngọc T tại Tổ dân phố 4, thị trấn D, thu giữ trên đầu giường trong phòng ngủ của T một gói nylon chứa chất nghi là ma túy.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Ngọc T đã khai nhận ma túy T bán cho H và bị thu giữ tại nơi ở của T có nguồn gốc T mua của một người nghiện tên là S (không biết địa chỉ) với số tiền 700.000đ. Sau đó T chia thành 03 gói, 01 gói T cất giấu ở đầu giường ngủ đã bị Công an thu giữ, còn lại 02 gói ma túy T bỏ vào trong chiếc USB màu trắng rỗng ruột để bán cho H với giá 300.000 đồng. Khi mua bán ma túy thì T là người trực tiếp đến nhận ma túy và đưa cho T

500.000 đồng, trong đó 300.000 đồng trả tiền mua ma túy, 200.000 đồng là tiền Hoàng nhờ T đưa để trả nợ cho T.

Ngày 08/01/2020 Cơ quan CSĐT Công an huyện Di Linh ra Quyết định trưng cầu giám định chất hoặc tiền chất nghi là ma túy thu giữ của Lê Xuân Duy H, Nguyễn Ngọc T. Tại kết luận giám định số 60/GĐ-PC09, ngày 13/01/2020 Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lâm Đồng kết luận về số ma túy thu giữ trong người của Hoàng là ma túy loại Methamphetamine, có khối lượng 0,4712g. Tại kết luận giám định số 61/GĐ-PC09 ngày 13/01/2020 Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lâm Đồng kết luận về số ma túy thu giữ tại nơi ở của Tú là ma túy loại Methamphetamine, có khối lượng 0,4237g. *(Methamphetamine là chất ma túy nằm trong Danh mục II, STT: 323; Nghị định 73/2018 /NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ).*

Tại bản cáo trạng số 24a/CTr-VKS ngày 02/7/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng đã truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc T về tội *"Mua bán trái phép chất ma túy"* theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự; truy tố Lê Xuân Duy H và Lê Quang T về tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"* theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Đối với người bán ma túy cho Tú tên Say chưa xác định được nhân thân, lai lịch nên tách ra để tiếp tục điều tra. Đối với chủ nhà trọ là ông Dương Quốc N không biết H thuê phòng để sử dụng ma túy nên không truy cứu trách nhiệm; đối với T là người có sử dụng ma túy cùng H, T nhưng không liên quan đến hành vi mua bán, tàng trữ ma túy nên cơ quan Công an đã ban hành quyết định xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn thừa nhận đã thực hiện hành vi như nêu ở trên, thừa nhận truy tố của Viện kiểm sát là đúng người, đúng tội, thể hiện thái độ ăn năn hối cải và xin được hưởng sự khoan hồng của pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa khẳng định cáo trạng truy tố các bị cáo là có căn cứ và đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 38, Điều 50, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo T từ 30 đến 36 tháng tù về tội mua bán trái phép chất ma túy; áp dụng Điều 38, Điều 50, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58, điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Hoàng từ 15 đến 18 tháng tù, xử phạt bị cáo T từ 12 đến 15 tháng tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy. Đối với các vật chứng đề nghị xử lý theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được

tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Di Linh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện D, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về quyết định, hành vi của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo T đã thừa nhận hành vi mua bán trái phép chất ma túy; bị cáo H và bị cáo T thừa nhận hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy như Viện kiểm sát truy tố là đúng người, đúng tội. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của người làm chứng, biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản khám xét thu giữ, niêm phong vật chứng, kết luận giám định và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ căn cứ xác định: Để có tiền sử dụng ma túy, bị cáo Tú đã mua 0,8949g ma túy loại Methamphetamine để bán kiếm lời, trong đó bị cáo Tú đã bán cho các bị cáo H, Thành 0,4712g ma túy. Hành vi của bị cáo T đã phạm vào tội "*Mua bán trái phép chất ma tuý*" theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo H là người liên hệ và bỏ tiền ra mua ma túy của bị cáo T để sử dụng. Tại thời điểm bị phát hiện vào lúc 22 giờ 45 phút ngày 06/01/2020, bị cáo Hoàng đang cất giấu trong người 0,4712g ma túy loại Methamphetamine. Hành vi của bị cáo H tuy không cấu thành tội mua bán trái phép chất ma túy nhưng đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Đối với bị cáo Thành là người trực tiếp đến gặp bị cáo T trả tiền, nhận ma tuý mang về đưa cho bị cáo H 0,4712g ma túy mà bị cáo H tàng trữ và bị xử lý trong vụ án này. Do đó, bị cáo T phải cùng chịu trách nhiệm với bị cáo H về tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[4] Xét thấy hành vi của các bị cáo đã xâm phạm chính sách độc quyền quản lý chất ma tuý của Nhà nước. Trong tình hình người sử dụng ma túy và tội phạm liên quan đến ma túy tại địa phương có diễn biến phức tạp, hành vi phạm

tội của các bị cáo càng thể hiện tính chất, mức độ nguy hiểm cao cho xã hội. Các bị cáo đều biết việc mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vẫn cố ý thực hiện. Sau khi cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo. Xét thấy cần phải xử lí nghiêm khắc, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm răn đe, giáo dục đối với các bị cáo và phục vụ công tác phòng ngừa tội phạm tại địa phương. Đối với bị cáo Tú phạm tội có khung hình phạt cao hơn nên phải chịu mức hình phạt cao hơn các bị cáo khác. Đối với bị cáo Hoàng là người trực tiếp tàng trữ ma túy nên phải chịu mức hình phạt cao hơn bị cáo Thành như đề xuất của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[5] Đối với số ma túy còn lại sau giám định không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy. Đối với 02 chiếc điện thoại di động thu giữ của các bị cáo là phương tiện các bị cáo liên lạc với nhau để phạm tội nên cần tịch thu sung công quỹ; đối với xe mô tô và một số đồ vật khác không liên quan đến hành vi phạm tội, cơ quan Điều tra đã trả cho chủ sở hữu là đúng pháp luật. Đối với chủ nhà trọ là ông Dương Quốc N không biết bị cáo H thuê phòng để sử dụng ma túy nên không truy cứu trách nhiệm; đối với T là người có sử dụng ma túy cùng các bị cáo H, T nhưng không liên quan đến hành vi mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy, cơ quan Công an đã ban hành quyết định xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy là đúng pháp luật.

[6] Về án phí: Cần buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Ngọc T (Tên gọi khác: Tèo) phạm tội *"Mua bán trái phép chất ma túy".* Bị cáo Lê Xuân Duy H (tên gọi khác: Tom) và bị cáo Lê Quang T phạm tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy".*

- Áp dụng Điều 38, Điều 50, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T 30 (ba mươi) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt thi hành án, được trừ vào thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/01/2020 đến ngày 08/5/2020. Tiếp tục áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo để đảm bảo thi hành án

- Áp dụng Điều 38, Điều 50, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58, điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự:

+ Xử phạt bị cáo Lê Xuân Duy H 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06 tháng 01 năm 2020.

+ Xử phạt bị cáo Lê Quang T 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06 tháng 01 năm 2020.

+ Tiếp tục tạm giam các bị cáo Lê Xuân Duy H, Lê Quang T để đảm bảo thi hành án

2. Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, xử lý vật chứng như sau:

- Tịch thu, tiêu huỷ các vật chứng gồm:

+ Một phong bì số 60/2020 có ghi: Vụ: Lê Xuân Duy H – SN 2001 HKTT: TDP19, TT Di Linh, Di Linh, Lâm Đồng; QĐTC: 05/QĐ – CADL ngày 08/01/2020; Hoàn mẫu m: 0,2182(g). Phong bì đã được niêm phong có chữ ký ghi họ tên của Phạm Thị D, Hoàng Thị Thanh H, Nguyễn Tuấn A và có hình dấu tròn màu đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh L;

+ Một phong bì số 61/2020, có ghi: Vụ: Nguyễn Ngọc T – SN 1995; HKTT: tổ DP4, TT Di Linh, Di Linh, Lâm Đồng; QĐTC: 06/QĐ–CADL ngày 08/01/2020; Hoàn mẫu m: 0,2195(g). Phong bì đã được niêm phong có chữ ký ghi họ tên của Phạm Thị D, Đỗ Quốc K, Nguyễn Tuấn A và có hình dấu tròn màu đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh L;

+ Một thiết bị USB màu trắng đã hỏng.

- Tịch thu của Lê Quang T để sung công quỹ một chiếc điện thoại hiệu NOKIA có sim số 0783713935.

- Tịch thu của Nguyễn Ngọc T để sung công quỹ một điện thoại hiệu OPPO có sim số 0337215653.

(Các vật chứng nêu trên theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 24 tháng 04 năm 2020 giữa Công an huyện Di Linh với Chi cục thi hành án dân sự huyện Di Linh).

3. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy banThường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án. Buộc các bị cáo Nguyễn Ngọc T, Lê Xuân Duy H, Lê Quang T mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh LâmĐồng;
- VKSND huyện Di Linh;
- Công an huyện Di Linh;
- Nhà tạm giữ CA huyện Di Linh;
- Chi cục THADS huyện Di Linh;
- Các bị cáo;
- Bộ phận Thi hành án hình sự;
- Sở Tư pháp tỉnh Lâm Đồng;
- Lưu HS, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Văn Sỹ